**QUẢNG NAM - QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VỚI BỒ ĐÀO NHA VÀ KIẾN TẠO RA QUỐC NGỮ - CÁCH BẢO TỒN GIÁ TRỊ VĂN HÓA NÀY TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**HOÀNG THỊ ANH ĐÀO[[1]](#footnote-2)**

**TÓM TẮT:** *Quảng Nam là vùng đất quan trọng của Xứ Đàng Trong trong tiến trình mở cõi của cha ông ta. Đây là nơi tiên phong trong việc thiết lập mối quan hệ bang giao với Bồ Đào Nha thời trung đại trên lĩnh vực giao thương, truyền giáo, văn hóa. Nơi đây lưu giữ nhiều giá trị về sự tiếp biến văn hóa đặc biệt là sự hình thành nên Quốc ngữ mà chúng ta còn sử dụng cho đến ngày nay. Dù còn nhiều tranh luận nhưng đây là nơi mà Bồ Đào Nha truyền bá Thiên Chúa giáo vào Việt Nam đầu tiên, và là nơi “tập tễnh” cho sự trưởng thành và hoàn thiện của Quốc ngữ. Vì thế việc phục dựng bức tranh toàn diện của Quốc ngữ là việc làm rất cần thiết, có giá trị trong việc bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch ủa Quảng Nam. Vì thế, bài tham luận nhằm phân tích quá trình những hoạt động giao thương, truyền giáo của Bồ Đào Nha ở Quảng Nam, để tạo nên cái “duyên” cho Quốc ngữ hình thành, từ đó góp một vài giải pháp trong việc bảo tồn giá trị văn hóa trong bối cảnh hiện nay.*

**1. Khái quát về hoạt động thương mại và truyền giáo của Bồ Đào Nha ở Quảng Nam**

Từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XV, kinh tế hàng hóa tiền tệ ở các nước Tây Âu phát triển, thúc đẩy chế độ phong kiến đi tới tan rã và mầm mống về một quan hệ tư bản chủ nghĩa bắt đầu manh nha, do lưu lượng hàng hóa được mở rộng, phương tiện dùng để trao đổi tiền tệ cũng có nhu cầu lớn hơn. Trong thời trung cổ, tiền tệ Tây Âu thường dùng bản để đo lường, đến thế kỷ thứ XV, vàng dần dần thay thế cho bạc để làm đo lường cho việc giao dịch giữa các nước.

Người Bồ Đào Nha không chỉ dong thuyền đi biển và lập ra hải đồ, họ còn buôn bán và chinh phục những vùng đất mới. Sự xâm nhập của Bồ Đào Nha tại các vùng ven biển châu Phi và châu Á, đặc biệt liên quan đến những bước đầu của thời kỳ bành trướng hàng hải của châu Âu và đạo Kitô, đánh dấu rõ rệt việc lịch sử loài người bước sang trang mới. Những động cơ chính của Bồ Đào Nha là “lòng nhiệt thành tôn giáo”, “buôn bán hương liệu” và “chinh phục những vùng đất mới”. Nhưng trên thực tế, người Bồ Đào Nha quan tâm đến buôn bán thu lợi nhiều hơn là chinh phục đất đai.

Chính sách hướng biển của Bồ Đào Nha là một trong những cơ sở quan trọng tác động đến việc Bồ Đào Nha thiết lập quan hệ thương mại và truyền giáo ở phương Đông và Đàng Trong (Việt Nam). Hơn thế nữa, Bồ Đào Nha trong quá trình hoạt động thương mại, lực lượng của Bồ Đào Nha ngày càng thêm hùng mạnh nhờ những thương gia Hồi giáo ở Tây Phi tiến hành cải đạo. Đội ngũ này sau đó đã cùng với các tư thương Thiên Chúa giáo cùng nhau truyền đạo ở phương Đông, và Đàng Trong (Việt Nam) là một bộ phận của mạng lưới thương mại và truyền giáo mà Bồ Đào Nha đã thiết lập.

*Sự thừa nhận của Giáo hội Rome về Quyền Bảo trợ (Jus Patronatus) của Bồ Đào Nha.* Quyền Bảo trợ mà Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha có được là một quá trình từ lâu trong lịch sử: Giáo hoàng Aleaxandre VI (1492 – 1503), với Sắc chỉ Inter Caetera ngày 4.5.1493 đã chia thế giới ra làm hai cho Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Phía Đông thuộc Bồ Đào Nha gồm châu Phi và châu Á. Quyền Bảo trợ trên thực tế, có nghĩa là từ thế kỷ XVI, chế độ Bảo trợ này thực hiện trên tất cả các lãnh thổ chiếm hữu của Bồ Đào Nha ở phía Đông Ấn Độ, bao gồm quyền bổ nhiệm, quyền chinh phục, quyền thương mại, quyền hàng hải.

*Bối cảnh lịch sử và vai trò của Hội An (thuộc Quảng Nam) trong hệ thống thương mại biển thế kỷ XVI – XVII. Về chính trị,* thế kỷ thứ XVI, chiến tranh Trịnh - Nguyễn (1627 – 1672) và sự phân li lãnh thổ thành hai Đàng Trong và Đàng Ngoài. Đàng Trong được xem là “giang sơn riêng” thuộc quyền cai quản của các chúa Nguyễn. Đàng Ngoài là vùng đất thuộc quyền ngự trị lâu đời của tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh[[2]](#footnote-3).

*Về ngoại thương*: Thế kỷ XVI, chính trong thời kỳ đất nước xảy ra cuộc nội chiến kéo dài giữa Trịnh – Mạc (1545 – 1592) và Trịnh – Nguyễn (1627 – 1672) là lúc các tập đoàn phong kiến cần sự giúp đỡ bên ngoài về trang bị vũ khí, kỹ thuật cho chiến tranh, buộc họ phải mở cửa cho con đường giao thương. Chính điều đó, những tập đoàn phong kiến ít nhiều có nhữn quyết sách có lợi cho mình, thúc đẩy thêm quá trình buôn bán giữa Việt Nam với bên ngoài.

Đúng thời điểm đó, Bồ Đào Nha đang trên đường tiến về phương Đông, tiến hành hoạt động trao đổi buôn bán với Việt Nam, cả Đàng Trong và Đàng Ngoài, song song với đó là tiến hành các hoạt động truyền giáo.

Có thể nói, bối cảnh quốc tế, khu vực và nội tại hai nước Bồ Đào Nha, Việt Nam thế kỷ thứ XVI có nhiều nhân tố “duyên phận” cả trong mối quan hệ thương mại và truyền giáo, chính những lý do trên mà trong thời điểm gặp gỡ Đông – Tây, Bồ Đào Nha đã đến Quảng Nam (Đàng Trong). Hoạt động thương mại và truyền giáo của Bồ Đào Nha ở Đàng Trong có nhiều nét đặc thù, vừa mang tính chất khu vực châu Á. “Thương mại và truyền giáo” hay nói cách khác là “hạt tiêu và linh hồn” đã trở thành hai nhân tố chính luôn song hành nhau mà Bồ Đào Nha đã tiến hành ở Đàng Trong vào đầu thế kỷ XVI.

***Hoạt động thương mại của Bồ Đào Nha ở Quảng Nam (1523 - 1665)***

Sau khi thiết lập được mạng lưới buôn bán ở châu Á, cụ thể ở Ấn Độ tại Goa (1510), đến Malacca (1511), Malaya, Indonesia, Trung Quốc và Nhật Bản, người Bồ Đào Nha đã đến Đàng Trong. Con đường hải thương từ Malacca đến Trung Quốc và Nhật Bản của Bồ Đào Nha có lộ trình sát bờ biển Việt Nam[[3]](#footnote-4). Hai địa điểm mà các thương nhân thường chọn để dừng chân là Côn Đảo và Cù Lao Chàm, họ đến đây để nhận lấy thêm ít nước ngọt và nghỉ ngơi một vài ngày. Qua nhiều tư liệu của người Bồ được viết trong sách *Les Portugais sur les côtes du Viet-Nam et du Campa* (*Người Bồ Đào Nha ở bờ biển Việt Nam và Champa* củaPierre-YvesManguin) đã xác nhận người Bồ đến Cù Lao Chàm khoảng năm 1516, trong Pierre-YvesManguin có ghi: *Sau lần tiếp xúc đầu tiên với người Chăm và người Việt vào năm 1516, một “sự khám phá” chính thức với Đàng Trong đã được tiến hành vào năm 1523*[[4]](#footnote-5). Họ di chuyển theo hành trình của gió mùa, từ tháng 3 đến tháng 9 là sáu tháng gió thổi từ Nam lên Bắc, từ tháng 9 đến tháng 12 là ba tháng gió thổi từ Bắc xuống Nam, đó chính là hải trình của các đoàn thuyền buôn. Các thương gia vào đây để mua thêm thực phẩm tươi để dự trữ cho các chuyến hải trình từ Hội An đi Macao khoảng 9 ngày, hoặc từ Hội An đi Malaya khoảng 20 ngày.

Vào khoảng đầu thế kỷ XV, các đoàn tàu buôn thường ghé cảng của người Chăm để thu mua các sản vật địa phương, ngoài ra họ còn cung cấp nước uống và củi đốt để tiếp tục hành trình đi biển, vì thế ta có tên gọi sông Chợ Củi, hay Phố Củi Gò Phố. Củi và than người ta chất gọn gàng rồi đưa lên các khoang thuyền để đi xa. Từ “Faifo” còn có một số nghĩa theo lưu truyền như Hoài Phố, Hải Phố, Sài Phố, Phố Củi.

Mặc dù hoạt động thương mại chưa được thiết lập chính thức nhưng theo Pierre Yves, người Bồ Đào Nha đã bắt đầu có những hoạt động buôn bán với Đàng Trong vào khoảng năm 1540: “*Fernão Mendes Pinto đã có một lần đến vùng biển Indochinoise vào năm 1540*”[[5]](#footnote-6). Chuyến đi này được chỉ huy bằng thuyền trưởng António Faria, xuất phát từ Patania năm 1535, và có ghé đến vùng Champa năm 1540, chuyến đi này nhằm đến Trung Quốc để tiến hành hoạt động thương mại. Năm 1554, sau 14 năm, trong hồi ký về chuyến đi năm 1540, Pinto có viết rằng: “được vua của Nhật Bản đồng ý, trong 14 năm qua, đã được vua giao cho việc giao dịch thương mại trong khu vực của Nhật Bản và biển của Trung Quốc”[[6]](#footnote-7). Năm 1545: “trong một chuyến tàu đi từ Malacca, 200 thủy thủ Bồ Đào Nha đã có mặt ở vùng biển Trung Quốc [Mer de Chine] và có ghé qua Faifo-Tourance”[[7]](#footnote-8).

Những sự kiện trên chứng minh rằng, trong khi thiết lập mạng lưới thương mại châu Á, Bồ Đào Nha đã có mặt ở Đàng Trong trong hành trình hải thương của họ để tiến hành buôn bán giữa Malacca với Nhật Bản, Trung Quốc. Trong thời gian đầu thế kỷ XVI, vùng đất Đàng Trong vẫn còn thuộc Champa, nên hầu hết trong các ký sự, người phương Tây đều cho đây là miền đất Champa, tên gọi Đàng Trong vẫn chưa xuất hiện.

Sau đó, năm 1558, Nguyễn Hoàng rời miền Bắc đi vào Nam để lập nghiệp, sau này vùng đất phía Nam do chúa Nguyễn gây dựng có tên gọi Đàng Trong. Khi mới vào vùng đất mới, Nguyễn Hoàng cần có tiền của, vũ khí để củng cố lực lượng, nên ông đã cho phép người Bồ Đào Nha đến để buôn bán.

Đặc biệt vào năm 1614, Nhật Bản ban hành “cấm đạo” khiến các thương gia cũng như giáo sĩ Bồ Đào Nha ở Nhật Bản chạy trốn sang Macao và Việt Nam, người Bồ Đào Nha chọn Đàng Trong làm điểm đến đầu tiên ở Việt Nam: “*năm 1614, thương gia Fernandes da Costa từ Macao đến Đàng Trong, sau khi được gặp chúa Nguyễn Phúc Nguyên, được Chúa chấp thuận điều mà thương gia này thỉnh cầu là dành độc quyền thương mại cho người Bồ Đào Nha, không cho phép người Hà Lan đến buôn bán*”[[8]](#footnote-9). Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1563 – 1635, cq (1613 – 1635) mới lên cầm quyền nên muốn mở cửa hoạt động giao thương với các thương nhân Bồ Đào Nha, nhằm mua vũ khí và củng cố chính quyền nhằm đối phó với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài nên mới nhanh chóng đồng ý cho Bồ Đào Nha đến buôn bán.

Người Bồ Đào Nha vẫn với hành trình hải thương như trước, nhưng vị trí của Đàng Trong trong mắt Bồ Đào Nha được nâng lên, họ đã có những chuyến buôn bán thương xuyên hơn, họ đi từ Macao hoặc Nam Dương đến Hội An vào tháng chạp hoặc tháng giêng bán, mua hàng như tơ, lụa, hồ tiêu, gỗ quý, qua tay các đại lý Hoa kiều hay Nhật kiều ở Hội An rồi quay thuyền về các căn cứ trên. Bên cạnh đó, đồng tiền, thỏi vàng cũng được xem như là một mặt hàng để người Bồ đến buôn bán. Năm 1622, người Bồ Đào Nha mang “*đến Đàng Trong đồng bạc để mua lại hàng hóa, người Bồ đã không mua hàng, nhưng mà đổi lại đồng tiền (d’argent), được sử dụng như chính nó là một loại hàng hóa có giá trị, đôi khi nhiều hơn, đôi khi ít hơn, tạo nên sự phong phú tuyệt vời có khi hơn cả hàng hóa bằng lụa*”[[9]](#footnote-10).

Bên cạnh đó, Quảng Nam, theo Ferreira, tơ lụa là sản phẩm *rất dồi dào* (très riches) và *rất đẹp* (très belles). Những sản phẩm lụa được dệt bằng tay nên có giá trị rất lớn. Đàng Trong còn thu hút các thương nhân Bồ bởi ở đây có trầm hương và các loại gỗ quý, nó rất có giá. Năm 1637, thương gia Bồ Đào Nha đã mang về cho Macao 22 kati (13kg) trầm hương và 1330 kati (813kg) gỗ trắc. Số trầm hương đó mang lại lợi nhuận 1 đổi 25[[10]](#footnote-11).

Điều đặc biệt là, việc buôn bán ở Quảng Nam trở nên quan trọng với người Bồ kể từ năm 1640, khi họ giảm bớt việc buôn bán với Nhật và hướng về Đông Nam Á. Hội An là trung tâm tập trung và phân phối hàng hóa, Hội An xuất khẩu một số sản phẩm của địa phương đứng đầu là kỳ nam hương và vàng. Kỳ nam hương là một thứ dầu quý và nó được miêu tả như sau: “kỳ nam hương màu đen, có dầu và giá 50 *cruzado*s một *catty* nơi người Bồ Đào Nha trong khi tại chính nơi sản xuất, nó trị giá ngang với bạc, bao nhiêu kỳ nam hương là bấy nhiêu bạc”[[11]](#footnote-12).

Chính sự giúp sức cho chúa Nguyễn mà người Bồ Đào Nha phần nào được Chúa ưu ái, các chúa Nguyễn cho phép Bồ Đào Nha xây dựng những cơ sở kinh doanh ở Hội An như lập phố, xây kho nhưng trên thực tế người Bồ đã không thực hiện.

**2. Những bước đầu hình thành nên Quốc ngữ ở Quảng Nam**

Dòng Jésuites sang truyền giáo ở Việt Nam là Dòng Jésuites thuộc sự quản hạt của Bồ Đào Nha, Dòng này được thành lập năm 1540 bằng Trọng sắcRegimini Militantis Ecclesiae[[12]](#footnote-13) của Tòa thánh. Khi đến Việt Nam, Dòng Jésuites đã thiết lập hoạt động truyền giáo đầu tiên tại Đàng Trong. Cùng với đó, vào năm 1615, các thừa sai Dòng Jésuites cũng đến Đàng Trong. Ba linh mục Dòng Jésuites đầu tiên đến Việt Nam dưới danh nghĩa Dòng Jésuites ở Macao là Francesco Buzomi[[13]](#footnote-14), Diogo Carvalho[[14]](#footnote-15) và António Dias[[15]](#footnote-16), sau 12 ngày đi biển từ Macao thì ba giáo sĩ này đã có mặt ở Cửa Hàn (Đà Nẵng), công việc đầu tiên của ba vị này là tìm kiếm một chỗ trú ngụ, rồi tiếp cận ngôn ngữ, tìm hiểu văn hóa và tiến hành những hoạt động truyền giáo.

Đầu tiên, Buzomi cho dựng lên một nhà nguyện tạm thời ở Cửa Hàn, vào dịp Lễ phục sinh năm 1615, họ đã làm lễ “rửa tội” cho 10 người, đây cũng là những giáo hữu đầu tiên của Dòng Jésuites ở Việt Nam.

Tiếp theo, các tu sĩ đến Hội An, rồi đến Caciam (Kẻ Chàm, Thành Chiêm, Quảng Nam dinh) cách Hội An 7 km về phía Tây để xây dựng nhà nguyện. Tranh thủ sự lỏng lẻo của các chúa, và sự giúp đỡ của bà Minh Đức Vương Thái Phi (Signora nobilissima), các thừa sai Dòng Jésuites đã thiết lập ba cư sở gồm Hội An (1615), Nước Mặn (1618), Thành Chiêm (1623). Ba cư sở này là những cư sở đầu tiên của Kitô giáo ở Việt Nam, đánh dấu quá trình truyền giáo chính thức của Bồ Đào Nha ở Việt Nam*.*

Cư sở Hội An được thành lập năm 1615, sau lệnh “cấm đạo” và trục xuất những người theo đạo ở Nhật Bản diễn ra, các giáo dân Nhật đã trốn sang Việt Nam và thành lập cư sở Hội An để hoạt động truyền giáo. Hội An từ đầu thế kỷ XVII đã trở thành hải cảng, trung tâm thương mại quan trọng và sầm uất của Đàng Trong. Phái đoàn của Buzomi đến Cửa Hàn năm 1615, chính vào dịp Lễ phục sinh năm đó đã làm một nhà thờ nhỏ cùng rửa tội cho 10 người, sau đấy phái đoàn về ở chính thức ở Hội An vì ở đây có Nhật kiều Công giáo sinh sống và dễ dàng liên lạc với người Việt và ngoại kiều để truyền giáo[[16]](#footnote-17).

Cư sở Thành Chiêm (Quảng Nam Dinh, Dinhciam, Kecham…) thành lập năm 1623, là vùng đất nằm phía Tây Hội An, tả ngạn sông Thu Bồn, cách Hội An phía Đông 7 km, là nơi thủ phủ của Dinh trấn Quảng Nam. Người đứng ra thành lập cư sở này là Fransico de Pina[[17]](#footnote-18), điều đó được nêu trong thư gửi về Macao năm 1623: “Năm ngoái [năm 1622], con [Pina] đã biên thư cho cha [người quản hạt ở Macao], thưa cha đáng kính, con đã mua nhà của mẹ bà Gioanna tại Cacham [Thành Chiêm], mỗi nhà gồm ba gian, một nhà dành cho chúng ta ở, nhà kia làm nhà nguyện. Mục đích của con là cần có cái gì đó [nhà] thuộc quyền chúng ta tại một nơi rất quan trọng của Vương quốc này, để có thể chúng ta sẽ dâng lễ misa [lễ thánh tẩy trong Thiên Chúa giáo] tại đó, và tiếp tục vun trồng cùng phát triển nhóm bổn đạo ở đây [Thành Chiêm]… Tại mỗi nhà phải có ít nhất ba [thanh niên] giúp chúng ta công việc trong nhà, và cũng ohair dành thời giờ cho những người đó vừa học chữ của họ [tiếng Việt], vừa học chữ chúng ta [tiếng Bồ]”[[18]](#footnote-19).

*Quá trình tiếp cận ngôn ngữ Việt của các giáo sĩ Dòng Jésuites và bước đầu của sự hình thành chữ Quốc ngữ*

Khi những giáo sĩ Dòng Jésuites đầu tiên đến Đàng Trong, họ không học tiếng Việt trước khi đến, nên những giáo sĩ này phải nhờ đến những người thông ngôn, đa số là những Nhật kiều định cư ở Hội An sau lệnh “cấm đạo” của Nhật Bản năm 1614. Những người này đến Việt Nam do phải tỵ nạn tôn giáo hay theo giấy phép *Châu Ấn thuyền* của Nhật đến buôn bán, vì thế vốn tiếng Việt của họ cũng hạn chế, họ chỉ thông ngôn những vấn đề đơn giản, thông thường. Để tiến hành được công cuộc truyền giáo, các giáo sĩ phải tiến hành học tiếng Việt.

Giáo sĩ Francesco Buzomi đến Cửa Hàn năm 1615 và học tiếng Việt nhưng ông chỉ biết rất ít, mỗi lần truyền giảng ông điều sử dụng thông dịch viên, vì thế cũng có những hiểu nhầm trong từng ý nghĩa, ví dụ trong tường trình của Borri khi đến Đàng Trong: *Con gnoo muon bau tlom laom Hoalaom chiam? [Con nhỏ muốn vào trong lòng đạo Hoa lang chăng?] (cioè figlio piccolo volete entrar dẽ tro ls pãza de Portoghesi ò nò?)*[[19]](#footnote-20)*,* ở đây ý của Buzomi là đạo Christiana (Thiên Chúa) không phải là đạo Hoa lang. Đó chính là hạn chế của Buzomi trong hoạt động truyền giáo của ông. Chính trong tường trình của Rhodes, ông cũng thừa nhận: “Tại đây (Đàng Trong), chúng tôi (đoàn của Rhodes) được thấy cha Emanuel Fernandez và cha Buzomi luôn luôn phải giảng thuyết qua thông dịch viên, chỉ có cha Francois Pina (Francisco de Pina) nghe và nói thành thạo tiếng Việt”[[20]](#footnote-21). Như vậy, trong số những giáo sĩ đầu tiên đến Việt Nam, Pina được xem là người biết khá thành thạo tiếng Việt, điều này không chỉ được thừa nhận bởi Rhodes như chúng tôi dẫn chứng ở trên mà cả trong báo cáo của Gaspar Luis: “tại cư sở Hội An có một cha đến *triều đình* (Thành Chiêm, thủ phủ của Nguyễn Phước Kỳ, là con trai của Nguyễn Phúc Nguyên) dạy giáo lý tại nhà bà Gioanna *bằng tiếng xứ này* (xứ Đàng Trong)”[[21]](#footnote-22) và cả trong thư chính Pina gửi cha Bề Trên: “Tại Pulo Cambi (cư sở Nước Mặn), cha Buzomi có ba ông sãi làm thay cha hết mọi việc. Vì thế, nếu xảy ra chuyện gì, hoặc có công việc gì phải điều hành hay phải chuyển tin tức quan trọng, cha phái một thông dịch viên, hay một trong ba ông sãi; giờ dạy giáo lý xong là cha rút lui, và những gì trên đây thì còn ở lại, để ôn bài học cho các dự tòng, hoặc để nói chuyện với họ. Nhưng về phần con [Pina], con phải làm hết mọi công việc và bởi vậy con cảm thấy mình khá mòn mỏi, kiệt lực, kiệt sức và tàn tạ trong mọi sự”. Điều đó có nghĩa là Pina đã biết tiếng Việt để nói chuyện với những dự tòng. Thêm vào đó, trong thư Pina viết năm 1622 – 1623 có nói rằng: “Phần con (Pina), đã soạn thành một tập nhỏ về chính tả và các dấu thinh của tiếng này (Việt), và con đang bắt tay vào soạn ngữ pháp. Dù con đã thu tập được nhiều truyện thuộc các loại khác nhau giúp cho những trích dẫn thêm giá trị, hầu xác quyết được ý nghĩa của từ ngữ và quy luật ngữ pháp, tuy nhiên, cho đến nay, con vẫn phải nhờ người ta đọc cho con những truyện đó để con viết sang chữ Bồ Đào Nha”[[22]](#footnote-23).

Chính những gì Pina nói, viết bằng tiếng Việt, là nền tảng để sau này, với năng lực ngôn ngữ của mình, Rhodes đã kế thừa và cho xuất bản những tác phẩm bằng chữ Quốc ngữ mang tên Alexandre de Rhodes.

*Thông qua hoạt động truyền giáo,* quá trình du nhập văn hóa phương Tây vào Việt Nam thông qua hoạt động thương mại và truyền giáo, “tôn giáo là một phương tiện của văn hóa và mọi sự tiếp xúc tôn giáo đều có thể coi là tiếp xúc văn hóa. Và sự truyền bá các tôn giáo lớn sang các vùng đất mới, như trường hợp Thiên Chúa giáo thời cận đại, ngoài những chức năng nào khác, còn được coi là có chức năng chuyển tải văn hóa (transculture), đương nhiên là văn hóa phương Tây”[[23]](#footnote-24). Trong sự chuyển tải văn hóa đó, những yếu tố tích cực, góp phần phát triển nền văn hóa bản địa cần phải được chúng ta nhìn nhận là những đóng góp của tôn giáo nói chung, Thiên Chúa giáo nói riêng.

Chúng ta phải thừa nhận là những giáo sĩ phương Tây đến truyền giáo ở nước ta lúc đó đều là những người được đào tạo bài bản trong các chủng viện, do đó, trong đó có những người đạt được trình độ cao về khoa học, địa lý, thiên văn, lịch sử, ngôn ngữ…; thông quá quá trình đào tạo giám mục bản địa và truyền giảng cho giáo dân, những kiến thức đó phần nào được chuyển tải đến Việt Nam qua những người tiếp nhận đạo. Chính những giáo sĩ là những người bước đầu đã giới thiệu văn minh phương Tây đến Việt Nam.

*Đặt nền móng cho sự hình thành chữ Quốc ngữ*, đóng góp này nằm ngoài ý thức chủ quan của các nhà truyền đạo khi sáng tạo ra Quốc ngữ, động cơ chủ yếu và trước hết của các giáo sĩ khi sáng tạo ra Quốc ngữ là để phục vụ cho công cuộc truyền giáo.

Đây không phải là sáng kiến riêng của các thừa sai dòng Jésuites ở Việt Nam. Các thừa sai dòng Jésuites ở Nhật Bản và Trung Quốc, trước đó đã tiến hành. Năm 1591, nhiều cuốn sách Nhật ngữ Latinh hóa (Romaji) được ra đời trong đó có cuốn từ điển Latinh – Bồ Đào Nha – Nhật Bản, ở Trung Quốc năm 1585 xuất hiện cuốn Từ vựng Bồ Đào Nha – Trung Quốc, nhưng việc Latinh hóa ở Nhật Bản và Trung Quốc không thành công như ở Việt Nam.

Trước Alexandre Rhodes, Thừa sai Gaspard Amiral làm *tự vị* *Bồ Đào Nha - Annam*, Antoine Barbore làm *Tự vị Annam - Bồ Đào Nha* và Françisco de Pina đã dùng *mẫu tự Latinh để ghi âm tiếng Việt*[[24]](#footnote-25).

Về sau, Alexandre de Rhodes vừa học hỏi vừa kế thừa những thành quả của những người đi trước, nghiên cứu thêm cách phát âm của người Đàng Ngoài (Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ) để đặt ra vần quốc ngữ có đủ được hết mọi giọng trong tiếng Việt, cho xuất bản cuốn *Từ điển Việt - Bồ - Latinh* (*Dictionnaire Annamite Latin Portugais*) và cuốn *Phép giảng tám ngày* hay còn gọi là *Giáo lý cương yếu bằng tiếng Latinh và tiếng Annam* (Catéchisme en Latin et en Annamite). Cả hai cuốn đều được đúc chữ và ấn hành tại Roma vào năm 1651.

Cuốn *Giáo lý cương yếu* của Rhodes có nhan đề “Phép giảng tám ngày cho kẻ muấn (muốn) chịu phép rửa toi (tội) mà beao (vào) đạo thánh đức Chúa Blời (trời)”. Trong sách viết nguyên văn như sau: *“Phép giảng tám ngày. Ngày thứ nhít. Ta cãu cũ đức Chúa Blời giúp fức cho ta bíet tó tuãng đạo Chúa là nhưãng nào vì bậy ta phải hay ở thế nầy chảng có ai fóu lâu; vì chưng kẻ đến bảy tám mươi tuỡi chảng cò nhẽo. Vì bậy ta nên tìm đàng nào cho ta được fòu lâu, là kièm hàng fòu bậy: thật là viẹ người cuên tử. Khác phép thế gian nầy, dù mà làm cho người được phú quý: fau le chảng làm được cho ta ngày fau…*”[[25]](#footnote-26).

Chuyển sang cách viết ngày nay: “*Phép giảng tám ngày. Ngày thứ nhất. Ta cầu cúng đức Chúa trời giúp cho ta biết tỏ tường đạo Chúa là nhường nào, vì vậy ta phải hay ở thế gian này chẳng có ai sống lâu; vì chưng kẻ đến bảy tám mươi tuổi chẳng có nhiều, vì vậy ta nên tìm đàng nào cho ta được sống lâu là kiếm hằng sống vậy, thật là việc người quân tử, khác phép thế gian này, dù mà làm cho người được phú quý: song le chẳng làm được cho ta ngày sau…*”[[26]](#footnote-27). Trong *Phép giảng tám ngày,* Rhodes viết bằng hai thứ tiếng Bồ - Việt trên cùng một trang giấy phân làm hai bên, cách ghi tiếng Việt có khác chút ít so với chữ chúng ta ngày nay, nội dung của tác phẩm là mô tả toàn bộ quá trình tiến hành giảng giải cho một người mới vào đạo, vì thế, mục đích đầu tiên vẫn là mục đích truyền giáo. Nhưng người Việt đã tiếp nhận được và xây dựng chữ Quốc ngữ ngày nay.

Như vậy là, với mục tiêu chính là học và biết tiếng Việt để truyền bá đạo Thiên Chúa vào Việt Nam, các giáo sĩ Dòng Jésuites đã vô tình đặt nền móng cho việc hình thành chữ Quốc ngữ của Việt Nam. Đây là tài sản quý giá của Việt Nam mà chúng ta có được trong quá trình giao lưu văn hóa Đông – Tây thời cận đại.

**3. Một vài giải pháp bảo tồn giá trị văn hóa này giai đoạn hiện nay**

Từ những phân tích trên có thể thấy, Quảng Nam từng là vùng đất tiên phong trong việc thiết lập hoạt động giao thương với các nước phương Tây. Bồ Đào Nha là nước phương Tây đến đây đầu tiên từ đầu thế kỷ XVI, Quảng Nam vừa là vùng đất bước đầu phôi thai ra Quốc ngữ, bắt nguồn từ những buổi mục vụ đầu tiên ở trong các nhà nguyện. Các giáo sĩ Bồ Đào Nha đã từ chỗ học tiếng Việt, rồi đến thống kê, tập hợp để xuất bản từ điển, là nền tảng cho Quốc ngữ sau này.

Vì vậy, việc bảo tồn giá trị văn hóa trong lịch sử ở Quảng Nam là rất có ý nghĩa trong bối cảnh hiện nay. Vừa nhằm mục đích bảo tồn văn hóa, vừa thu hút du lịch, phát triển kinh tế và mở rộng quan hệ quốc tế với các nước có quan hệ truyền thống với Việt Nam.

Những giải pháp có thể đề xuất cho việc bảo tồn là việc xây dựng mô hình “Làng văn hóa phương Tây” để thu hút khách quốc tế và Việt Nam, đặc biệt các du khách từ Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp… (những nước từng thiết lập quan hệ giao thương với Xứ Đàng Trong thế kỷ XVI – XIX) đến Quảng Nam để nghiên cứu, tham quan, du lịch.

Tìm hiểu rõ, chính xác về những dấu ấn văn hóa của phương Tây ở Quảng Nam trong lịch sử để xây dựng phim tư liệu, nhằm quảng bá dấu ấn đến du khách và bạn bè quốc tế như mô hình ở “Công viên ấn tượng Hội An”, nhân rộng những mô hình như vậy ở những vùng khác. Từ những phim tư liệu có thể đóng những đoạn phim ngắn để chiếu ở những phố đi bộ.

Phục dựng bằng tranh ảnh, trưng bày quá trình hình thành nên Quốc ngữ để xây dựng bảo tàng lưu trữ dấu ấn giao lưu văn hóa Đông – Tây. Việc du lịch không nên đơn thuần bó hẹp do nhà quán lý làm, mà có thể liên hợp với các nhà thờ Công giáo, bởi lẽ đây là những dấu ấn thực tiễn còn tồn tại đến ngày nay về sự bang giao Đông – Tây.

Xuất bản ấn phẩm, sách nghiên cứu, chú trọng du lịch tìm hiểu, du lịch theo hướng lịch sử, bởi lẽ, dấu ấn văn hóa ở Quảng Nam liên quan rất mật thiết đến quá trình mở cõi, đến quá trình bang giao vì đây là mảnh đất mà chúa Nguyễn đã chọn xây dinh trấn trong tiến trình đến phương Nam thời trung cận đại.

*Tóm lại*, Quảng Nam là địa điểm mà Bồ Đào Nha đã chọn là điểm dừng chân đầu tiên ở Xứ Đàng Trong và sau đó thiết lập hoạt động thương mại và truyền giáo, sau đó là giao lưu văn hóa. Việc bảo tồn những dấu ấn văn hóa này là rất có ý nghĩa trong việc phát triển kinh tế, phát triển du lịch và giao lưu quốc tế hiện nay.

**HỌC LIỆU THAM KHẢO**

1. Borri, Christophe (1631), *Relation de la nouvelle Missions des Peres de la Companie du Jesus, au Royaume de la Cochichine*, de la mesme Companie, Little.

2. Đỗ Quang Chính, S.J (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615 – 1773*, In lần đầu năm 2007, An Tôn và Đuốc sáng, NXB Tôn giáo, Hà Nội.

3. Gaspard Lovys (1628), Histoire de ce qui s’est passé en Ethiopie, Malabar, Brasil, et és Indes Orientales, Paris.

4. Jacques, Roland (2007), *Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lĩnh vực Việt ngữ học (cho đến 1650),* Dịch và hiệu đính Viện Ngôn ngữ học, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

5. Nguyễn Văn Kiệm (2003), *Góp phần tìm hiểu một số vấn đề lịch sử cận đại Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

6. Manguin, Pierre-Yves (1972), *Les Portugais sur les côtes du Viet-Nam et du Campa,* L’école Française d’Extrême-Orient, Paris.

7. Vũ Duy Mền (1988), “Ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế,* 292/2002.

8. Rhodes, Alexandre de (1854), *Les voyages et misions*, Paris.

9. Rhodes, Alexandre de (1993), *Phép giảng tám ngày*, Tủ sách Đại Kết, Tp Hồ Chí Minh.

10. Tana, Li (1999), *Xứ Đàng Trong lịch sử kinh tế - xã hội thế kỷ XVII – XVIII,* NXB Trẻ - Hà Nội.

11. Hoàng Tiến (2003), *Chữ Quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ XX*, NXB Thanh niên, tp Hồ Chí Minh.

12. *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI – XVII* (2007), NXB Thế giới, Hà Nội.

**THÔNG TIN TÁC GIẢ**

TS. Hoàng Thị Anh Đào

Chức vụ: Giảng viên

Địa chỉ: Khoa Lịch sử - Đại học Khoa học – Đại học Huế

77 Nguyễn Huệ, Tp Huế

Phone: 0914 27 28 21 Mail: hoanganhdao.kls@gmail.com

1. . TS, GV KHOA LỊCH SỬ - ĐẠI HỌC KHOA HỌC – ĐẠI HỌC HUẾ [↑](#footnote-ref-2)
2. . *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI – XVII* (2007), NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 164 – 165. [↑](#footnote-ref-3)
3. . Bản đồ hải thương: Trong Manguin, Pierre-Yves, *Les Portugais sur les côtes du Viet-Nam et du Campa,* L’école Française d’Extrême-Orient, Paris, 1972. Phần phụ lục số 2, tên gọi *Carte comparative des routes de F. Rodrigues et de Wou pei iche.* [↑](#footnote-ref-4)
4. . Manguin, Pierre-Yves (1972), *Les Portugais sur les côtes du Viet-Nam et du Campa,* L’école Française d’Extrême-Orient, Paris, Tr. 3. “Après des premiers contacts fortuits avec les côtes cam et vietnamiennes en 1516, la “découverte” officielle de la Cochinchine se fera en 1523”. [↑](#footnote-ref-5)
5. . Manguin, Pierre-Yves (1972), *Les Portugais sur les côtes du Viet-Nam et du Campa,* L’école Française d’Extrême-Orient, Paris, pg. 182. [↑](#footnote-ref-6)
6. . Manguin, Pierre-Yves (1972), sđd, pg. 183. [↑](#footnote-ref-7)
7. . Manguin, Pierre-Yves (1972), sđd, pg. 184. [↑](#footnote-ref-8)
8. . Công ty VOC của Hà Lan thành lập năm 1602, từ năm 1633, Hà Lan đã đến hoạt động thương mại ở Việt Nam. [↑](#footnote-ref-9)
9. . Manguin, Pierre-Yves (1972), sđd, pg. 237, 239, 247. [↑](#footnote-ref-10)
10. . Manguin, Pierre-Yves (1972), sđd, pg. 247. [↑](#footnote-ref-11)
11. . Tana, Li (1999), *Xứ Đàng Trong lịch sử kinh tế - xã hội thế kỷ XVII – XVIII,* NXB Trẻ - Hà Nội, tr. 119. [↑](#footnote-ref-12)
12. . Sau thời gian tuổi trẻ đầy tham vọng và với binh nghiệp sáng chói, Inhaxiô (tên gốc: Ignacio López), một quý tộc xứ [Loyola](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Loyola&action=edit&redlink=1) ([Tây Ban Nha](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2y_Ban_Nha)), đã đi tìm các trải nghiệm về tôn giáo Thiên chúa. Sau nhiều cuộc mò mẫm tìm tòi, ông tuyên bố đã tìm thấy tiếng gọi thiêng liêng cứu các linh hồn và phụng sự chúa [Kitô](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kit%C3%B4&action=edit&redlink=1). Ông bắt đầu học [thần học](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A7n_h%E1%BB%8Dc) tại [Đại học Paris](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_h%E1%BB%8Dc_Paris) rồi dần dần tập hợp quanh mình các bạn hữu trong Chúa, sẵn sàng làm việc để vinh danh Chúa (khẩu hiệu tiếng latin Ad maiorem Dei gloriam trong [Giáo hội Công giáo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_h%E1%BB%99i_C%C3%B4ng_gi%C3%A1o_R%C3%B4ma)). Ngày [15 tháng 8](https://vi.wikipedia.org/wiki/15_th%C3%A1ng_8) năm 1534, Inhaxiô cùng 6 bạn sinh viên khác trong đó có [François Xavier](https://vi.wikipedia.org/wiki/Phanxic%C3%B4_Xavi%C3%AA) và [Pierre Favre](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Pierre_Favre&action=edit&redlink=1) (người được thụ phong linh mục đầu tiên của Dòng Tên) họp lại ở [Montmartre](https://vi.wikipedia.org/wiki/Montmartre) và quyết định hiến thân cho Chúa, lập ra Đoàn Giêsu, khấn hứa giữ khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục (bề trên). Năm [1537](https://vi.wikipedia.org/wiki/1537), Inhaxiô cùng các bạn sang [Ý](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C3%9D) để xin [Giáo hoàng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_ho%C3%A0ng) [Phaolô III](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_ho%C3%A0ng_Phaol%C3%B4_III) công nhận Dòng và đã được Giáo hoàng công nhận trong sắc chỉ Regimini militantis ecclesiae năm [1539](https://vi.wikipedia.org/wiki/1539). Inhaxiô đã gợi ý cho các bạn tên Đoàn Giêsu để nhắc nhở các tu sĩ dấn thân triệt để làm chiến sĩ phục vụ Chúa. Tên Societas Iesu được ghi trong [Sắc chỉ Giáo hoàng](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=S%E1%BA%AFc_ch%E1%BB%89_Gi%C3%A1o_ho%C3%A0ng&action=edit&redlink=1) công nhận Dòng năm 1539.Từ Tu sĩ dòng Tên (Jésuite) hay "Giêsu hữu" xuất hiện sau năm 1545. [↑](#footnote-ref-13)
13. . Francesco Buzomi (1575 – 1639), sinh tại Ý, gia nhập Dòng Jésuites ngày 2 – 9 – 1592, lên tàu đi Goa năm 1609, từ đó đến Macao, ở Đàng Trong năm 1615 – 1639, chết tại Macao năm 1639 do bệnh. [↑](#footnote-ref-14)
14. . Diogo Carvalho (1578 – 1624), sinh tại Coimbra, Bồ Đào Nha, gia nhập Dòng Jésuites năm 1597, đi Goa năm 1600, năm 1609 – 1614 đến Nhật truyền giáo, 1614 - 1615 ở Đàng Trong, 1615 – 1616, về lại Nhật và tử đạo tại Nhật. [↑](#footnote-ref-15)
15. . Antónia Dias (1585 - ?), sinh tại Ega, Bồ Đào Nha, gia nhập Dòng Jésuites tại Macao năm 1607, đến Đàng Trong năm 1615, đến năm 1639, về lại Macao và không biết chết năm năm nào. [↑](#footnote-ref-16)
16. . Đỗ Quang Chính, S.J (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615 – 1773*, In lần đầu năm 2007, An Tôn và Đuốc sáng, NXB Tôn giáo, Hà Nội, tr. 65. [↑](#footnote-ref-17)
17. . Giáo sĩ Dòng Jésuites đầu tiên và cũng là người đầu tiên của Bồ Đào Nha biết tiếng Việt, sau này Alexandre de Rhodes đã kế thừa và xuất bản từ điển Việt - Bồ - La. [↑](#footnote-ref-18)
18. . Jacques, Roland (2007), *Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lĩnh vực Việt ngữ học (cho đến 1650),* Dịch và hiệu đính Viện Ngôn ngữ học, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 195 – 196. [↑](#footnote-ref-19)
19. . Borri, Christophe (1631), *Relation de la nouvelle Missions des Peres de la Companie du Jesus, au Royaume de la Cochichine*, de la mesme Companie, Little, pg. 107 – 109. [↑](#footnote-ref-20)
20. . Rhodes, Alexandre de (1854), *Les voyages et misions*, Paris, pg. 72. [↑](#footnote-ref-21)
21. . Gaspard Lovys (1628), Histoire de ce qui s’est passé en Ethiopie, Malabar, Brasil, et és Indes Orientales, Paris, 122. [↑](#footnote-ref-22)
22. . Đỗ Quang Chính, S.J (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615 – 1773*, In lần đầu năm 2007, An Tôn và Đuốc sáng, NXB Tôn giáo, Hà Nội, tr. 45 – 46. [↑](#footnote-ref-23)
23. . Nguyễn Văn Kiệm (2003), *Góp phần tìm hiểu một số vấn đề lịch sử cận đại Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 34. [↑](#footnote-ref-24)
24. . Hoàng Tiến (2003), *Chữ Quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ XX*, NXB Thanh niên, tp Hồ Chí Minh, tr. 15. [↑](#footnote-ref-25)
25. . Rhodes, Alexandre de (1993), *Phép giảng tám ngày*, Tủ sách Đại Kết, Tp Hồ Chí Minh, tr. 5. [↑](#footnote-ref-26)
26. . Rhodes, Alexandre de (1993), *Phép giảng tám ngày*, Tủ sách Đại Kết, Tp Hồ Chí Minh, tr. 4. [↑](#footnote-ref-27)